

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DS-PT

Ngày: 24-3-2017

V/v : *Tranh chấp thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cà Văn Pâng

Các Thẩm phán: Ông Quàng Văn Liêm

Bà Lò Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Ông Nguyễn Xuân Kiềm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/03/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:10/2016/TLPT-DS ngày 16/12/2016 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐ-PT ngày 06/02/2017; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn M - Sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị N - Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. (*Có mặt*)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Đoàn Văn N - Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố Z, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt, đã ủy quyền cho bà Bùi Thị D*)

*** Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Bùi Thị D** - Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố Z, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. (*Có mặt*)

3.2. Đoàn Thị T1 - Sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Tổ dân phố Z, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. (*Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt*).

3.3. Đoàn Văn B1 - Sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Đội I, xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*).

3.4. Đoàn Thị T2.

Địa chỉ: Khu E, xã P, huyện K, tỉnh Phú Thọ. (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/3/2017*).

3.5. Đoàn Văn B2 - Sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Thôn F, xã V, huyện S, tỉnh Thái Bình (*Có mặt*).

3.6. Nguyễn Thị H1 - Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: phố L, phường A, quận H, thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

4. Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn M - Nguyên đơn; ông Đoàn Văn N - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn M trình bày:**

Bố chúng tôi là ông Đoàn Văn Q, mẹ là bà Nguyễn Thị H2, sinh được 10 người con là: tôi Đoàn Văn M, Đoàn Thị T2, Đoàn Thị T1, Đoàn Văn B2, Đoàn Văn N, Đoàn Văn B1, Đoàn Xuân Q, Đoàn Thị N, Đoàn Thị X, Đoàn Văn M2. Ông Đoàn Xuân Q, ông Đoàn Văn M2 (đã chết, không có vợ, con). Bà Đoàn Thị X (đã chết) có một con là cháu Nguyễn Thị H1.

Bố tôi chết cách đây hơn 20 năm tại Thị xã K, khi bố chúng tôi chết không để lại tài sản gì. Năm 1996 ở thị xã K xảy ra lũ lụt. Đến năm 1998 gia đình chúng tôi chuyển về huyện C. Mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị H2 là mẹ của liệt sỹ Đoàn Xuân Q. Năm 2000, mẹ tôi được UBND huyện C cấp cho thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 110 m² tại tổ Y thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên và xây cho một ngôi nhà cấp 4 hai gian và công trình phụ (nhà tình nghĩa). Ngày 15/3/2014 bà được UBND huyện C cấp cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên. Ngày 15/3/2014 mẹ tôi chết, trước khi chết bà không để lại di chúc và nghĩa vụ gì về tài sản. Năm 2010, sau khi đi tù về cô N về huyện C để buôn bán và ở với bà H2. Hiện tại thửa đất và ngôi nhà cô N đang chiếm giữ. Thửa đất có giá trị khoảng 850.000.000 đồng, ngôi nhà trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Tổng giá trị cả nhà và đất là 950.000.000 đồng.

Do mẹ tôi chết không để lại di chúc và nghĩa vụ gì về tài sản, nay tôi đề nghị Tòa án huyện C giải quyết chia thừa kế theo pháp luật số tài sản trên của bà H2 cho anh chị em chúng tôi. Hiện tất cả anh chị em chúng tôi đã có nhà ở ổn định. Sau khi chia thừa kế vì tôi là con trai trưởng nên có nguyện vọng muốn được sở hữu,

quản lý, sử dụng thửa đất và ngôi nhà để làm nơi thờ cúng tổ tiên sau này bởi thờ cúng tổ tiên là của trách nhiệm của người con trai. Bản di chúc của cô N nộp cho Tòa án không phải là di chúc của bà H2, tôi không biết cô N lấy ở đâu ra, vì sau khi mai táng xong hôm sau tôi có hỏi toàn bộ anh chị em trong gia đình, bà có để lại di chúc và nghĩa vụ về tài sản gì không thì tất cả anh chị em đều nói là không. Bản di chúc cũng không hợp pháp vì không có hai người làm chứng và cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc công chứng, chứng thực.

*** Bị đơn bà Đoàn Thị N trình bày:**

Chúng tôi có 10 anh chị em, trước đây bố mẹ chúng tôi cho 02 người đi làm con nuôi từ nhỏ là anh Đoàn Văn B1 và anh Đoàn Văn B2. Hiện tôi không biết anh B1 còn sống hay chết, từ trước đến nay không có tin tức gì, còn 03 người đã chết như ông M trình bày, chúng tôi chỉ còn 5 anh chị em là con của bố mẹ chúng tôi là: tôi Đoàn Thị N, ông Đoàn Văn M, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1, ông Đoàn Văn N. Anh Đoàn Văn B2, anh Đoàn Văn B1 đã đi làm con nuôi của người khác; cháu Nguyễn Thị H1 là con của bà Xuân, cháu của bà H2, vì vậy chị H2, anh B2, anh B1 không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với phần di sản mà mẹ tôi để lại.

Bố chúng tôi chết không để lại di chúc gì, năm 2000 mẹ chúng tôi được UBND huyện C cấp cho một thửa đất và xây nhà tình nghĩa và được UBND huyện C cấp cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất như ông M trình bày là đúng. Ngày 15/3/2014 bà H2 chết, trước khi chết ngày 05/8/2013 mẹ tôi có viết bản di chúc để lại toàn bộ tài sản của bà cho tôi được hưởng thừa kế, để tôi thờ cúng tổ tiên sau này. Lúc bà còn sống, ngày 04/3/2014 bà có ủy quyền cho tôi đi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng của UBND huyện C anh V làm ở phòng LĐT BXH huyện xuống giao cho bà Bằng Tổ quốc ghi công, sau đó bà giao cho tôi để tôi cất giữ. Có 3 anh chị em là: bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1, ông Đoàn Văn N đã nhất trí cho tôi ở đó để thờ cúng tổ tiên.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế về tài sản của bà để lại là tôi không nhất trí, vì bà đã viết bản di chúc để lại cho tôi được hưởng thừa kế toàn bộ tài sản của bà để lại sau khi chết. Anh M nói bản di chúc không hợp pháp là không đúng vì trong bản di chúc đã có người làm chứng. Tôi chỉ ở đó tạm thời một thời gian buôn bán làm ăn, sau này tôi cũng sẽ về quê nhà chồng tôi sinh sống, sau khi tôi không ở đó nữa tôi mới viết giấy để cho một người nào đó mà tôi tin tưởng tiếp tục ở ngôi nhà để thờ cúng tổ tiên.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- **Bà Đoàn Thị T1 trình bày:** chúng tôi có 10 anh chị em, đã chết 3 người, 2 người chết chưa có vợ, một người chết chưa có chồng nhưng có một đứa con gái là cháu Nguyễn Thị H1. Đối với 2 người bố mẹ chúng tôi cho đi làm con nuôi từ hồi còn nhỏ, hai người này và chị H1 không có quyền lợi, nghĩa vụ gì trong tài sản của bà H2 để lại, nay chúng tôi còn 05 anh chị em. Tôi không đồng ý như phần

trình bày của anh M yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, vì trước khi chết bà H2 đã viết di chúc để lại tài sản cho dì N. Nguyễn vọng của tôi là để lại cho dì N ở ngôi nhà để thờ cúng tổ tiên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 trình bày: kỷ phần thừa kế được hưởng bà không lấy, bà sẽ để lại cho bà N được hưởng. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 trình bày: Nếu chia thừa kế bà xin được hưởng kỷ phần thừa kế của bà theo quy định của pháp luật.

- **Ông Đoàn Văn N trình bày:** ông N có cùng ý kiến với nguyên đơn, nhưng sau khi Tòa án chia thừa kế ông N muốn được quản lý, sử dụng toàn bộ thừa đất và tài sản gắn liền với đất. Ông N ở với bà H2 từ nhỏ cho đến ngày phạm tội và đi chấp hành hình phạt tù, đến khi chấp hành xong hình phạt tù về nhà thì bà H2 đã chết. Hộ khẩu của ông N và con vẫn còn trong hộ khẩu của gia đình bà H2. Do cô N đi tù về trước nên cô N vào ở với bà buôn bán, sau khi ông N về không có chỗ ở phải về nhà bên vợ ở tạm. Anh M đã làm nhà ra ở riêng từ khi xây dựng gia đình, hiện nay anh đã có chỗ ở ổn định. Còn anh Đoàn Văn B1 và anh Đoàn Văn B2 có nguyện vọng: Kỷ phần thừa kế của các anh được hưởng các anh không lấy mà để lại cho tôi quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ thừa đất và ngôi nhà, trông coi hương khói làm nơi tụ tập tất cả anh chị em trong gia đình thắp hương cho tổ tiên sau này. Còn đối với bà T1, bà N, bà T2 là phận gái đã lấy chồng theo nhà chồng, đã có nhà ở ổn định, việc thờ cúng không phải là con gái. Hiện tại cô N đang ở tạm ngôi nhà để buôn bán làm ăn một thời gian sau này cô N cũng sẽ về nhà chồng ở quê sinh sống. Vì vậy, để đảm bảo cho việc trông coi ngôi nhà và thừa đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên sau này tôi muốn được sở hữu toàn bộ thừa đất và ngôi nhà vì tôi là con trai, theo đạo lý dân tộc Việt Nam việc thờ cúng tổ tiên là trách nhiệm của con trai, con gái lấy chồng theo nhà chồng.

Đối với nội dung trong đơn đề nghị ngày 10/9/2015: Khi viết tôi bị say rượu và cô N nói với tôi viết tờ giấy để cho cô N được ở nhà một thời gian, nhưng trong quá trình viết tôi không nhớ là tôi viết nội dung gì, nay tôi thay đổi ý kiến không nhất trí cho cô N ở đó.

- **Ông Đoàn Văn B1 trình bày:** Ông có cùng ý kiến với nguyên đơn và khi nào Tòa án giải quyết xét xử vụ án ông xin được vắng mặt, kỷ phần thừa kế được hưởng ông không lấy mà cho ông Đoàn Văn N hưởng toàn bộ kỷ phần của ông, ông ủy quyền cho ông Đoàn Văn N tham gia tố tụng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- **Ông Đoàn Văn B2 trình bày:** Ông có cùng ý kiến với nguyên đơn và khi nào Tòa án xét xử vụ án, ông xin được vắng mặt, kỷ phần thừa kế ông được hưởng ông không lấy mà để lại cho ông Đoàn Văn N được hưởng, ông ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- **Bà Đoàn Thị T2 trình bày:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T2 nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bà T2 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bà T2 đã có văn bản gửi cho Tòa án và khi nào Tòa án xét xử bà

xin được vắng mặt. Quan điểm của bà về việc giải quyết vụ án là: không chia thừa kế đối với thửa đất và ngôi nhà vì là ngôi nhà tình nghĩa để lại làm nơi thờ cúng tổ tiên. Nếu chia thừa kế, kỹ phần thừa kế của bà được hưởng bà xin được hưởng theo quy định của pháp luật.

- **Chị Nguyễn Thị H1 trình bày:** Chị H1 là con đẻ của bà Đoàn Thị X, bà X là con đẻ của bà Nguyễn Thị H2, bà X chết năm 1996. Ông M khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ H2 để lại, chị H1 xin được hưởng phần thừa kế của bà X theo quy định của pháp luật.

Theo yêu cầu của nguyên đơn ngày 08/08/2016, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành định giá tài sản đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 110 m² và một ngôi nhà cấp 4 hai gian và công trình phụ (nhà tình nghĩa) tại địa chỉ: tổ Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. Sau khi định giá, kết luận: Tổng giá trị nhà và đất đang tranh chấp là 525.879.319 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 06/10/2016 của TAND huyện C, tỉnh Điện Biên quyết định:

Áp dụng: Các điều 197, 305, 631, 632, 635, 645, 674, 675, 676, 677 của BLTTDS; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn M về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật:

- Chia cho bà Đoàn Thị N được sở hữu thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 110 m² và tài sản gắn liền với đất để thờ cúng liệt sỹ Đoàn Xuân Q và tổ tiên tại tổ Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. Thửa đất có các tứ cạnh tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp hành lang đường quốc lộ 12 dài 6m.

+ Phía Tây giáp ao ông T dài 6,2m.

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 10 của ông Đinh Văn T dài 18,2m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 12 của ông Trần Quang T dài 17,7m.

- Bà Đoàn Thị N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để hợp thức hóa quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bà Đoàn Thị N có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Đoàn Văn M là 65.735.000 đồng, bà Đoàn Thị T2 là 65.735.000 đồng, bà Đoàn Thị T1 là 65.735.000 đồng, chị Nguyễn Thị H1 là 65.735.000 đồng, thanh toán cho ông Đoàn Văn N 197.205.000 đồng.

* Về chi phí định giá tài sản:

Buộc ông Đoàn Văn N phải hoàn cho ông Đoàn Văn M 1.125.000 đồng; Bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1, chị Nguyễn Thị H1 phải hoàn trả cho ông M mỗi người là 375.000 đồng.

* Ngoài ra, bản án sơ thẩm có tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 12/10/2016, ông Đoàn Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 06/10/2016 của TAND huyện C: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa một phần bản án sơ thẩm: Giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất (tại thửa đất số 11 thuộc tờ bản đồ số 10; địa chỉ tổ Y, thị trấn M, huyện C tỉnh Điện Biên) cho ông Đoàn Văn M sở hữu và để thờ cúng tổ tiên. Ngày 18/10/2016, ông Đoàn Văn M làm đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm chia tài sản của bà Nguyễn Thị H2 thành 08 kỷ phần với lý do: ông B2, ông B1 đã đi làm con nuôi người khác, cháu H1 là cháu của bà H2, vì vậy ông B2, ông B1, cháu H1 không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với tài sản của bà H2. Yêu cầu Tòa án chia thừa kế thành 05 kỷ phần cho ông Đoàn Văn M, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1, ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị N. Trước khi chia thừa kế cần để lại 50.000.000 đồng cho ông M xây mộ cho bà H2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M thay đổi một phần nội dung kháng cáo là: nhất trí chia thừa kế thành 08 kỷ phần như bản án sơ thẩm đã chia.

* Ngày 13/10/2016, ông Đoàn Văn N làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 06/10/2016 của TAND huyện C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa một phần bản án sơ thẩm, giao thửa đất và tài sản gắn liền với đất (tại thửa đất số 11, thuộc tờ bản đồ số 10; địa chỉ tổ Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên) cho ông Đoàn Văn N sở hữu để thờ cúng tổ tiên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị D - Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn N giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Sửa bản án dân sự số 07/2016/DS-ST ngày 06/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. HĐXX phúc thẩm nhận định:

Xét bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo của ông Đoàn Văn M và nội dung đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn N, thấy rằng:

- Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn M, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo quy định tại khoản 2 điều 26 BLTTDS là đúng quy định.

Trong quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Điện Biên chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Vì căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn M thì ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C chia di sản thừa kế theo pháp luật, di sản yêu cầu chia thừa kế là nhà, đất của bà Nguyễn Thị H2 (chết) để lại tại địa chỉ: Tổ dân phố 08, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên, hiện nay bà Đoàn Thị N đang quản lý. Trong đơn khởi kiện ông Đoàn Văn M yêu cầu chia di sản đó cho 08 anh, chị em.

Sau khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C đã ra thông báo thụ lý vụ án. Trong thông báo thụ lý vụ án Tòa án huyện C đã chấp nhận yêu cầu của ông M đưa 06 anh, chị, em của ông M vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sau khi những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì có bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1 có đơn đề nghị cam kết rằng: Bà Nguyễn Thị H2 trước khi chết có lập bản di chúc cho bà Đoàn Thị N thừa kế toàn bộ di sản nhà, đất để thờ cúng bố mẹ, tổ tiên, không nhất trí chia di sản này theo yêu cầu của ông M. Vì đây là nhà tình nghĩa, do Nhà nước hỗ trợ nên cần để lại cho bà N quản lý để thờ cúng tổ tiên.

Đối với ông Đoàn Văn B2 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế, kỷ phần của ông B2 ông xin nhường lại cho ông N.

Đối với ông Đoàn Văn N có yêu cầu Tòa án chia cho ông được thừa kế toàn bộ di sản nhà, đất của bà H2 (chết) để lại.

Đối với ông Đoàn Văn B1, theo bản tự khai của ông B1, ông có yêu cầu Tòa án chia thừa kế, kỷ phần thừa kế của ông được hưởng ông nhường lại cho ông N.

Đối với chị Nguyễn Thị H1 là con của bà Đoàn Thị X (đã chết) là người thừa kế thế vị. Theo bản tự khai của chị H1, chị có yêu cầu được hưởng thừa kế .

Như vậy, 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N, ông B2, ông B1, chị H1 có yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho họ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là chưa thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 2 điều 70, điều 73 BLTTDS năm 2015. Vì phạm này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bản di chúc (viết tay) ngày 05/8/2013 (BL 40) do bà Đoàn Thị N xuất trình cho Tòa án là bản di chúc không hợp pháp theo quy định tại khoản 3 điều 652, điều 656 BLDS năm 2005. Vì bản di

chức này chỉ có chữ ký của một người làm chứng và có điểm chỉ (ngón trỏ phải) của bà Nguyễn Thị H2 (người lập di chúc), không có công chứng, chứng thực.

Khoản 3 điều 652 BLDS 2005 quy định: *“Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập văn bản và có công chứng, chứng thực”*.

Điều 656 BLDS 2005 quy định: *“Trong trường hợp người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc”*.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông M về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị H2 (đã chết) để lại theo pháp luật cho những người con của bà H2 thuộc diện thừa kế là có căn cứ pháp luật.

* Xét về những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định 08 người con của bà Nguyễn Thị H2 gồm có: ông Đoàn Văn M, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1, ông Đoàn Văn B2, ông Đoàn Văn B1, ông Đoàn Văn N, bà Đoàn Thị N cùng thuộc hàng thừa kế thứ nhất, chị Nguyễn Thị H1 là con của bà Đoàn Thị X là người thừa kế thế vị. Họ có quyền được hưởng di sản của bà H2 (đã chết) để lại là đúng với quy định của pháp luật.

Do vậy, xét nội dung kháng cáo của ông M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chỉ chia thừa kế cho 05 người, không chia kỹ phần thừa kế cho ông B1, ông B2, chị H1 là không có căn cứ chấp nhận. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông M thay đổi nội dung kháng cáo là nhất trí chia 8 kỹ phần thừa kế theo như bản án sơ thẩm đã tuyên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

* Xét yêu cầu kháng cáo của ông M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trích 50.000.000 đồng trong tổng giá trị di sản của bà Nguyễn Thị H2 (đã chết) để lại cho ông M để sang cát, xây mộ cho bà H2. Tòa án cấp phúc thẩm thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền này, do đó xét thấy yêu cầu kháng cáo này của ông M là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không có căn cứ chấp nhận.

* Xét nội dung kháng cáo của ông Đoàn Văn M và nội dung kháng cáo của ông Đoàn Văn N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cho ông M và ông N được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ di sản là nhà, đất của bà H2 để thờ cúng tổ tiên. HĐXX phúc thẩm xét thấy:

Ông M, ông N và các anh, chị, em khác đã có nhà ở ổn định. Đồng thời xét thấy nguồn gốc số tài sản này là do bà Nguyễn Thị H2 là mẹ của liệt sỹ Đoàn Xuân Q đã được UBND huyện C, tỉnh Điện Biên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây cho ngôi nhà tình nghĩa để bà H2 thờ cúng liệt sỹ Đoàn Xuân Q. Bà N là con gái út của bà H2, đã ở với bà H2 từ năm 2010, hiện tại bà N đang ở tại ngôi

nhà này. Đồng thời, trước khi chết bà H2 có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản nhà, đất đang tranh chấp này cho bà N thừa kế để thờ cúng tổ tiên. Việc bà H2 lập di chúc này, xét về mặt ý chí việc lập di chúc của bà H2 đã được các con của bà H2 là bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1, ông Đoàn Văn N thừa nhận (Bút lục số 38, 39, 81). Nhưng do bản di chúc không hợp pháp về mặt hình thức, do đó Tòa án không chấp nhận bản di chúc, chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Như vậy, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chia cho bà N được quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 110 m² và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là một nhà xây một tầng và các công trình phụ; tổng trị giá cả nhà và đất là 525.879.319 đồng; Địa chỉ thửa đất tại tổ 08, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên; bà N phải có trách nhiệm thanh toán bằng tiền theo kỹ phần cho các đồng thừa kế mỗi người là 65.735.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn M về việc “chia di sản thừa kế theo pháp luật”, nhưng trong phần quyết định của bản án lại tuyên chia cho bà Đoàn Thị N sở hữu nhà và đất để “thờ cúng liệt sỹ” là không chính xác, chưa đúng với quy định của pháp luật. Do vậy cần thiết phải cải sửa một phần bản án sơ thẩm là tuyên giao cho bà N được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất và có quyền sở hữu tài sản là nhà ở trên đất.

Từ nhận xét trên, xét thấy nội dung kháng cáo của ông M và ông N về yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất và sở hữu nhà để thờ cúng tổ tiên là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần giao bà N toàn quyền quyền sử dụng thửa đất và quyền sở hữu nhà. Bà N có trách nhiệm thanh toán bằng tiền trị giá tài sản theo kỹ phần được hưởng cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B1, ông B2 và bà D - người đại diện theo ủy quyền của ông N cùng nhất trí thỏa thuận: Kỹ phần thừa kế của ông B1, ông B2 nhượng lại cho ông N; bà D nhất trí nhận kỹ phần thừa kế do ông B1, ông B2 nhượng lại cho ông N. Do đó, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Buộc bà N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trị giá theo kỹ phần được hưởng của ông B1, ông B2 và ông N cho ông N được quyền sở hữu, với tổng số tiền là: 65.735.000 đồng x 3 = 197.205.000 đồng.

*** Về chi phí định giá tài sản:** Ông Đoàn Văn M đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự: Các đồng thừa kế khác mỗi người phải chịu chi phí định giá tài sản tương ứng với giá trị kỹ phần mình được hưởng cho ông M:

Ông Đoàn Văn N phải trả cho ông M: 1.125.000 đồng; bà Đoàn Thị T1, bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thị T2, chị Nguyễn Thị H1 mỗi người phải trả cho ông M 375.000 đồng.

*** Về án phí:**

- **Án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án: Ông N, ông M, bà T1, bà T2, bà N, chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần mình được hưởng.

+ Ông Đoàn Văn N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 197.205.000 đ x 5% = 9.860.250 đồng.

+ Bà Đoàn Thị T1, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị N, chị Nguyễn Thị H1 mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 65.735.000 x 5% = 3.286.750 đồng.

+ Ông Đoàn Văn M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 65.735.000 x 5% = 3.286.750 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.990.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AB/2010/00195 ngày 19/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Điện Biên. Số tiền án phí ông M còn phải nộp là: 296.750 đồng.

- **Án phí dân sự phúc thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Ông Đoàn Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông M số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2010/00226 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Đoàn Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông N số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2010/00228 ngày 13/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Điện Biên.

Vì các lý trên, căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 điều 308, khoản 1 điều 309 BLTTDS;

QUYẾT ĐỊNH

Sửa bản án sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Điện Biên.

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 675, khoản 1 điều 676, điều 677 của BLDS năm 2005; **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn M về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật gồm: thửa đất có diện tích 110m², thửa số 11, tờ bản đồ số 10; GCNQSD đất số BG028789; sổ vào sổ cấp GCN: CH00303 do UBND huyện C, tỉnh Điện Biên cấp ngày 15/3/2014 và một nhà xây một tầng và các công trình phụ trên đất; Tổng trị giá cả nhà và đất là 525.879.319 đồng tại

địa chỉ: Tổ Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên thành 8 kỹ phần cho 8 người thuộc diện thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị H2 (đã chết) như sau:

* Giao cho bà Đoàn Thị N được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ số 10, diện tích 110 m²; GCNQSD đất số BG028789; số vào sổ cấp: GCN: CH00303 do UBND huyện C, tỉnh Điện Biên cấp ngày 15/3/2014 và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là một nhà xây một tầng và các công trình phụ. Tổng trị giá cả nhà và đất là 525.879.319 đồng; Địa chỉ thửa đất: Tổ Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên. Thửa đất có các tứ cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp hành lang đường quốc lộ 12 dài 6m;
- Phía Tây giáp ao ông T dài 6,2m;
- Phía Bắc giáp thửa đất số 10 của ông Đinh Văn T dài 18,2m;
- Phía Nam giáp thửa đất số 12 của ông Trần Quang T dài 17,7 m.

* Bà Đoàn Thị N được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên thửa đất theo quy định của pháp luật.

* Buộc bà Đoàn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trị giá tài sản theo kỹ phần thừa kế theo pháp luật cho ông Đoàn Văn M, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị T1 và chị Nguyễn Thị H1, mỗi người là **65.735.000 đồng** (*Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

* Công nhận sự thỏa thuận của ông Đoàn Văn B2, ông Đoàn Văn B1 và bà Bùi Thị D - người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn N về việc ông Đoàn Văn B2, ông Đoàn Văn B1 nhất trí nhượng lại kỹ phần thừa kế được hưởng của mình cho ông Đoàn Văn N được quyền sở hữu.

Buộc bà Đoàn Thị N phải có trách nhiệm thanh toán ông Đoàn Văn N tổng số tiền là **197.205.000 đồng** (*Một trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về chi phí định giá tài sản: Căn cứ khoản 2 Điều 165 BLTTDS:

- Buộc ông Đoàn Văn N phải hoàn trả cho ông M: **1.125.000 đồng** số tiền chi phí định giá tài sản.

- Buộc bà Đoàn Thị T1, bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thị T2, chị Nguyễn Thị H1 mỗi người phải hoàn trả cho ông M: **375.000 đồng** số tiền chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Ông Đoàn Văn N phải chịu **9.860.250 đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Đoàn Thị T1, bà Đoàn Thị T2, bà Đoàn Thị N, chị Nguyễn Thị H1 mỗi người phải chịu **3.286.750 đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm
- Ông Đoàn Văn M phải chịu **3.286.750 đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.990.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AB/2010/00195 ngày 19/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Điện Biên. Số tiền án phí ông M còn phải nộp là: **296.750 đồng**.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Ông Đoàn Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông M số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2010/00226 ngày 12/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Điện Biên.

- Ông Đoàn Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông N số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2010/00228 ngày 13/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Điện Biên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (**24/3/2017**)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện C;
- Chi cục T.H.A DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cà Văn Pâng

